



Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 13
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	14
Báo cáo kiểm toán độc lập	15 - 16
Báo cáo thu nhập	17
Báo cáo tình hình tài chính	18 - 19
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ	20
Báo cáo danh mục đầu tư	21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	22
Thuyết minh báo cáo tài chính	23 - 57

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND ("Quỹ") được thành lập ngày 05 tháng 07 năm 2019 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2020, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và cá văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 38/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 05 tháng 07 năm 2019 và Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 23/GCN-UBCK ngày 25 tháng 04 năm 2019. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ là lần đầu ra công chúng là 50.335.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.033.500,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 132.517.710.200 đồng Việt Nam, tương đương với 13.251.771,02 chứng chỉ Quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập của các khoản đầu tư. Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ

Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/ GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang quản lý ba quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu Tư Trái phiếu VND (VNDBF) và Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty Cổ phần Camellia và Công ty Cổ phần Bkav.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Hiền - Chức danh: Chủ tịch Công ty.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành).

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2019
Bà Hoàng Thị Út Quyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2019
Bà Phí Thị Thùy Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2019
Bà Nguyễn Hồ Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Ban Tổng Giám đốc"), với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Quỹ cho từng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND là tìm kiếm lợi nhuận ổn định và dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam có uy tín và có chất lượng tín dụng cao, tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Tính đến ngày kết thúc của năm tài chính, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là tăng 7,05% so với năm trước và tăng 16,63% kể từ ngày thành lập là ngày 05/07/2019.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

1.3.1 Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ là xây dựng một danh mục công cụ nợ đa dạng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như: trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác.

Quỹ tập trung đầu tư vào các loại trái phiếu có thanh khoản tốt của các tổ chức phát hành có độ tin nhiệm cao nhằm tạo ra lợi nhuận tốt hơn so với mức lợi tức gửi ngân hàng và giảm thiểu rủi ro.

1.3.2 Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề pháp luật không cấm, với tỷ trọng phân bổ nhóm ngành không vượt những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành.

1.3.3 Tài sản được phép đầu tư

Pháp luật hiện tại quy định Quỹ có thể đầu tư vào các loại tài sản sau, tuy nhiên Quỹ sẽ xem xét cơ hội và sự phù hợp để quyết định lựa chọn loại tài sản đầu tư:

- a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương;
- d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro ho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.4 *Phân loại Quỹ:* Quỹ mở

1.5 *Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ*

Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 38/GCN – UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 05 tháng 07 năm 2019, theo đó Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.6 *Quy mô của Quỹ tại thời điểm báo cáo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị tài sản ròng của quỹ là 154.552.545.740 đồng và số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành là 13.251.771,02 chứng chỉ Quỹ.

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 *Cơ cấu tài sản của Quỹ*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trái phiếu niêm yết và chuẩn bị niêm yết	50,73%
Tiền gửi ngân hàng, Chứng chỉ tiền gửi ghi danh, các khoản tương đương tiền	49,27%
	100%

2.2 *Chi tiết chỉ tiêu hoạt động*

	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1/1/2021 đến ngày 31/12/2021
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	154.552.545.740
Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	13.251.771,02
Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (CCQ)	11.662,78
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	11.663,22
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	10.898,23
Tốc độ vòng quay danh mục trong năm (%)	116,89%

2.3 *Tăng trưởng qua các kỳ*

Giai đoạn	Tăng trưởng của NAV/CCQ
Giai đoạn 01/01/2021 – 31/12/2021	7,05%
Từ khi thành lập (05/07/2019)	16,63%

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 2021

3.1 Bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2021

Tuy năm 2021 nhiều khó khăn nhưng bức tranh kinh tế Việt Nam vẫn nhiều gam màu sáng

Năm 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa duy trì tốc độ tăng cao, là điểm sáng của nền kinh tế trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 336,25 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu đạt 332,25 tỷ USD, tăng 26,5% so với cùng kỳ, chủ yếu nhập khẩu tư liệu sản xuất chiếm đến 93,5% tổng kim ngạch (tăng 26,8% so với cùng kỳ). Cán cân thương mại hàng hóa năm 2021 xuất siêu 4 tỷ USD. Đây cũng là năm thứ 6 Việt Nam xuất siêu liên tục, và xuất nhập khẩu tăng cao, cho thấy vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu của Việt Nam ngày càng được nâng cao.

Lạm phát trong năm 2021 được kiểm soát tốt. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với cùng kỳ, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản năm 2021 tăng 0,81%, thấp hơn mức CPI bình quân chung cho thấy lạm phát chủ yếu do yếu tố giá cả; và giá cả tăng chủ yếu là do chi phí đẩy (giá hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào tăng) chứ không hẳn là cầu kéo (do sức cầu còn yếu). Tuy nhiên, áp lực lạm phát tại Việt Nam đang gia tăng.

Mặc dù dịch bệnh bùng phát trên diện rộng, song Việt Nam vẫn duy trì được dòng vốn FDI. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2021 đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới đạt 15,25 tỷ USD, tăng 4,1%; vốn đăng ký tăng thêm đạt 9,01 tỷ USD, tăng 40,5%, trong khi vốn góp, mua cổ phần đạt 6,89 tỷ USD, giảm 7,7% so với năm trước. Tuy nhiên, giải ngân vốn FDI chỉ đạt 19,74 tỷ USD (giảm 1,2% so với cùng kỳ) do việc giãn cách để kiểm soát dịch bệnh dẫn tới các dự án đầu tư bị ảnh hưởng.

Trong năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, giá cả hàng hóa, lạm phát thế giới tăng, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường để tăng cường ổn định vĩ mô và hỗ trợ doanh nghiệp. Dư nợ tín dụng của hệ thống ngân hàng ước tăng khoảng 13,5%, cao hơn so với mức 13% năm trước. Huy động vốn có tốc độ tăng chậm hơn, tăng khoảng 9%, thấp hơn mức tăng 13-14% các năm trước. Mật bằng lãi suất cho vay giảm nhẹ 0,8% so với đầu năm, mật bằng lãi suất huy động duy trì ở mức thấp, tăng nhẹ cục bộ tại một vài ngân hàng cổ phần vào cuối năm khi nhu cầu tín dụng phục hồi.

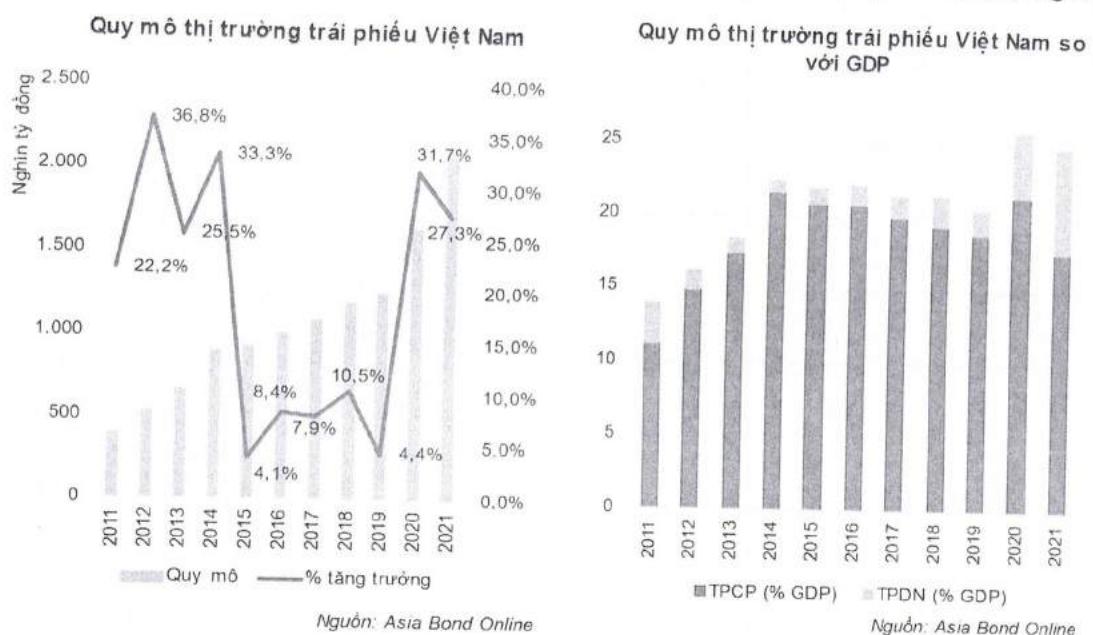
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

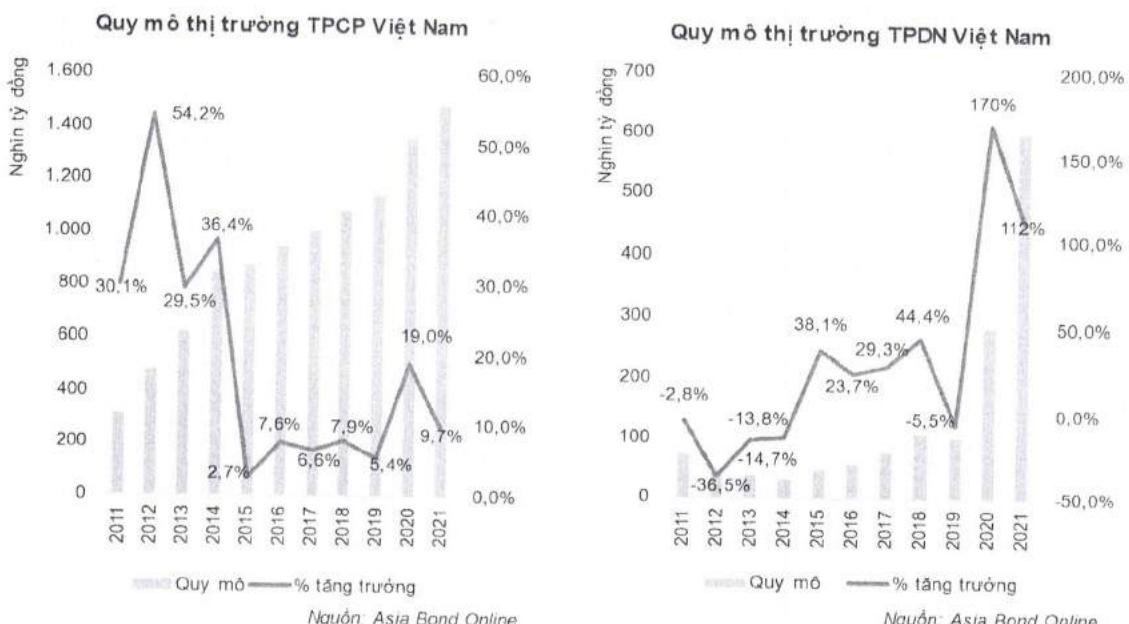
3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 2021 (tiếp theo)

3.2 Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2021

Quy mô thị trường tiếp tục tăng trưởng mạnh nhờ động lực từ Trái phiếu doanh nghiệp



Theo nguồn Asia Bond Online, Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2021 đạt gần 2,09 triệu tỷ đồng, tương đương 24,88% GDP, tăng 27,3% so với năm 2020. Quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp ("TPDN") tiếp tục tăng trưởng ba chữ số năm thứ hai liên tiếp.



Năm 2021, quy mô thị trường TPDN tăng 112% so với năm 2020, đạt hơn 599 nghìn tỷ đồng, tương đương 7,14% GDP. Quy mô thị trường trái phiếu chính phủ ("TPCP") tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước, đạt gần 1,49 triệu tỷ đồng, tương đương 17,74% GDP.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 2021 (tiếp theo)

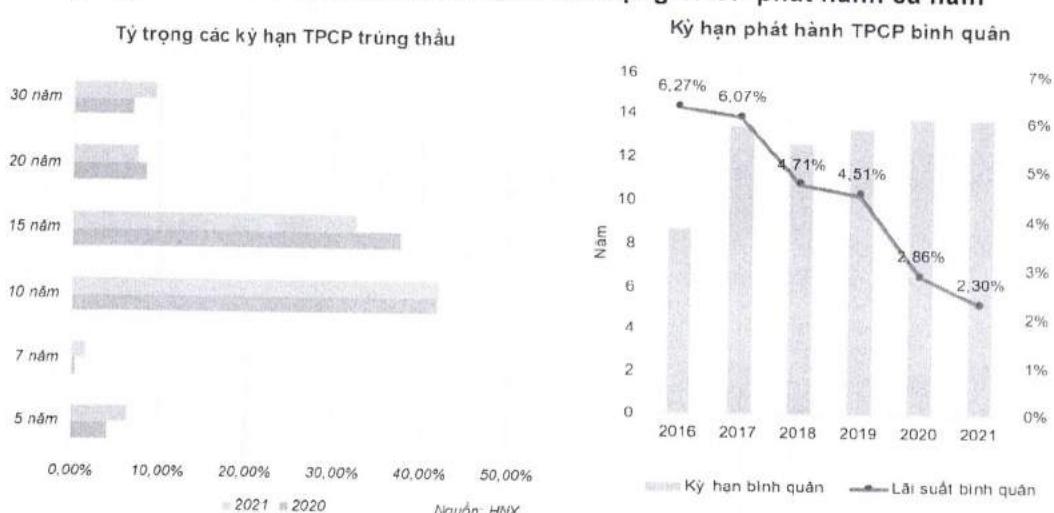
3.2 Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2021 (tiếp theo)

Thị trường trái phiếu chính phủ

Theo VBMA, kết quả phát hành TPCP trong năm 2021 đạt 318 nghìn tỷ đồng, giảm 1,77% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành 98,21% kế hoạch cả năm sau điều chỉnh.

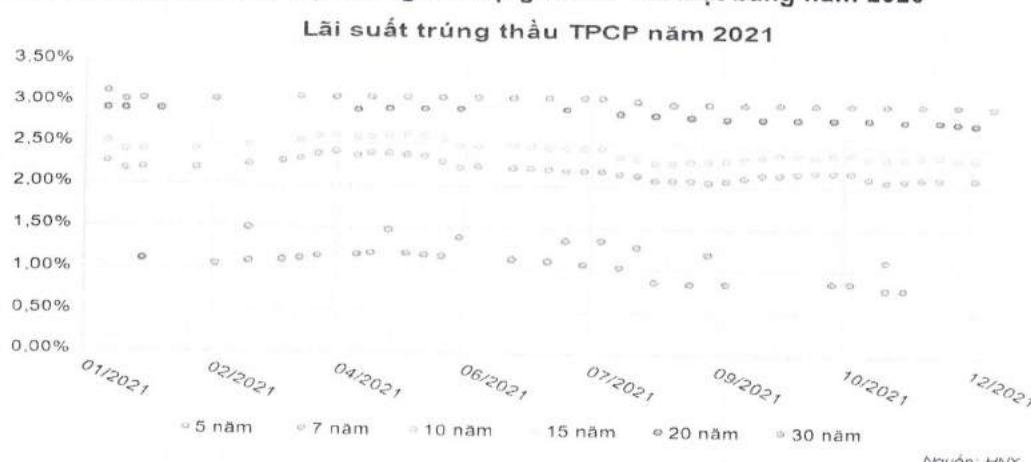
Kỳ hạn	2020	2021	% So với cùng kỳ	% Kế hoạch năm
5 năm	13.670	20.768	51,92%	94,40%
7 năm	1.730	5.484	216,99%	91,35%
10 năm	135.648	133.906	-1,28%	99,93%
15 năm	122.473	103.704	-15,33%	96,92%
20 năm	27.915	23.885	-14,44%	99,52%
30 năm	22.517	30.469	35,32%	98,29%
Tổng	323.953	318.216	-1,77%	98,21%

Các kỳ hạn 10 năm và 15 năm chiếm đa số số lượng TPCP phát hành cả năm



Các đợt trúng thầu tiếp tục tập trung vào kỳ hạn 10 năm và 15 năm, chiếm tỷ trọng phát hành cả năm lần lượt là 42,1% và 32,6%. Kỳ hạn phát hành bình quân đạt 13,92 năm (giảm 0,02 năm so với cuối năm 2020).

Lãi suất trung thầu trên thị trường sơ cấp giảm so với mặt bằng năm 2020



Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

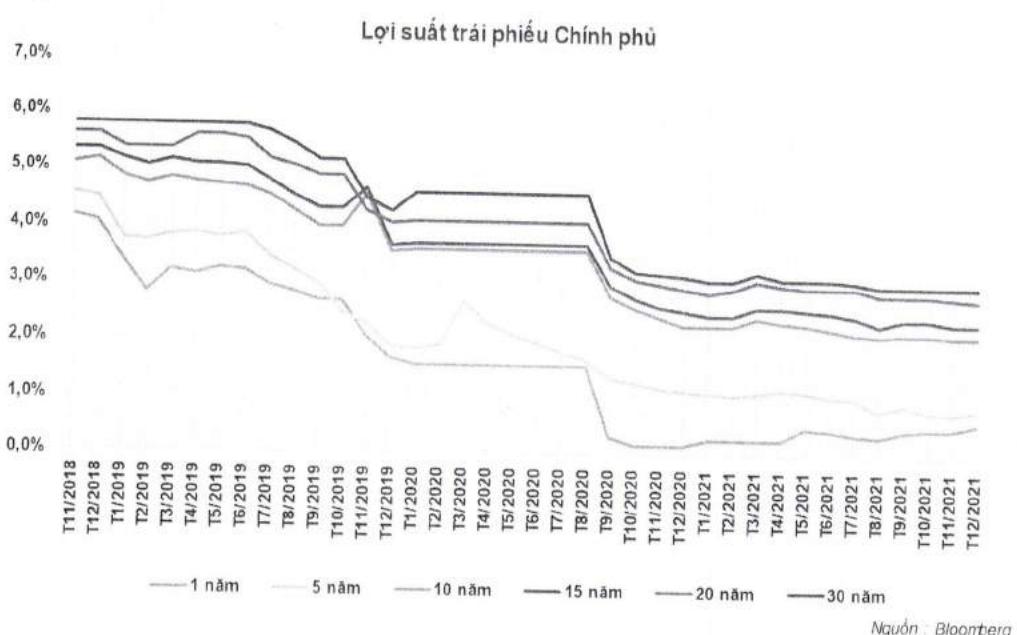
3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 2021 (tiếp theo)

3.2 Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2021 (tiếp theo)

Lãi suất phát hành giảm trên tất cả các kỳ hạn so với cuối năm 2020. Theo đó, lãi suất huy động các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm giảm khoảng từ 0,12%/năm đến 0,46%/năm. Tính trung bình, lãi suất phát hành bình quân năm 2021 đạt 2,30% giảm 0,56%/năm so với năm 2020.

Đối với trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Tổng khối lượng phát hành năm 2021 đạt 21.524 tỷ đồng, trong năm 2021, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành được 11.024 tỷ đồng TPCP bảo lãnh, kỳ hạn phát hành bình quân đạt 11,64 năm, lãi suất phát hành bình quân đạt 2,5%. Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được 10.500 tỷ đồng TPCP bảo lãnh, kỳ hạn phát hành bình quân đạt 8,94 năm, lãi suất phát hành bình quân đạt 2,09%.

Trên thị trường thứ cấp, lợi suất TPCP các kỳ hạn dài diễn biến đồng pha với lãi suất trung thầu



Kết thúc năm 2021, lợi suất TPCP các kỳ hạn 1 năm, 2 năm, 3 năm, 4 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm và 30 năm trên thị trường thứ cấp lần lượt kết thúc ở mức 0,173% (tăng 39,8 điểm cơ bản so với cùng kỳ), 0,275% (tăng 33,2 điểm cơ bản so với cùng kỳ), 0,483% (tăng 19,5 điểm cơ bản so với cùng kỳ), 0,805% (giảm 5,8 điểm cơ bản so với cùng kỳ), 1,127% (giảm 31 điểm cơ bản so với cùng kỳ), 1,394% (giảm 20,5 điểm cơ bản so với cùng kỳ), 2,409% (giảm 32,5 điểm cơ bản so với cùng kỳ), 2,615% (giảm 25,6 điểm cơ bản so với cùng kỳ), 2,981% (giảm 22,5 điểm cơ bản so với cùng kỳ), 3,165% (giảm 23,6 điểm cơ bản so với cùng kỳ).

So với mặt bằng lãi suất năm ngoái, lãi suất giao dịch các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm có xu hướng giảm nhẹ, ngược lại lãi suất các kỳ hạn từ 1-3 năm tăng nhẹ. Nguyên nhân dẫn tới xu hướng giảm của các kỳ hạn dài là do chính sách nới lỏng tiền tệ của Ngân hàng Trung ương nhằm hồi phục nền kinh tế sau đại dịch, bên cạnh đó TPCP vẫn là lựa chọn hàng đầu cho các danh mục đầu tư lớn tại các tổ chức tín dụng và bảo hiểm.

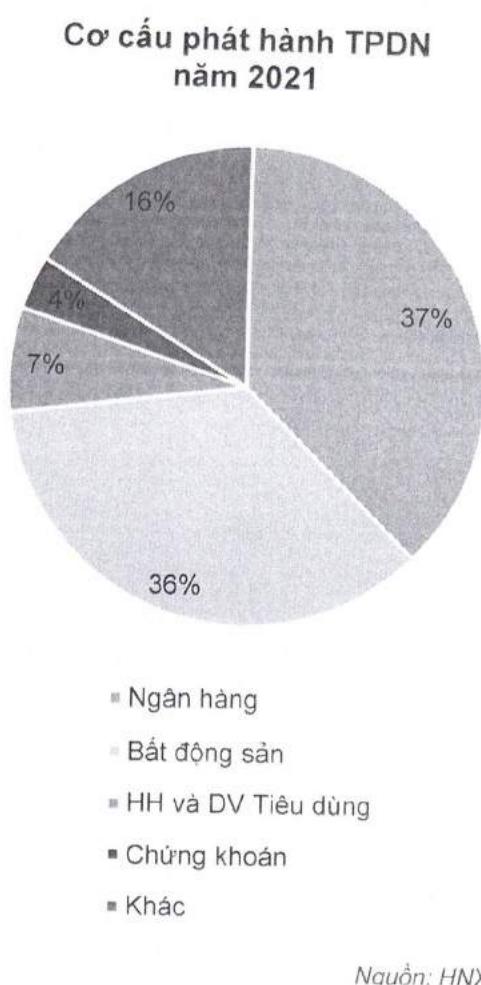
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 2021 (tiếp theo)

3.2 Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2021 (tiếp theo)

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp



Năm 2021 tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng mạnh mẽ của TPDN. Theo VBMA, thị trường TPDN Việt Nam có 964 đợt phát hành trong nước với tổng giá trị đạt 595 nghìn tỷ đồng (tăng 29% so với năm trước), trong đó có 937 đợt phát hành riêng lẻ với tổng giá trị khoảng 570 nghìn tỷ đồng (chiếm 95,8% tổng giá trị phát hành), 23 đợt phát hành ra công chúng giá trị 26,34 nghìn tỷ (chiếm 4,6% tổng giá trị phát hành) và 4 đợt phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế tổng giá trị 1.425 tỷ USD.

Nhóm ngân hàng thương mại là ngành đi đầu trong việc phát hành trái phiếu trong cả năm 2021 với tổng khối lượng phát hành lên tới 223 nghìn tỷ đồng, chiếm 37,48% giá trị phát hành, tăng 56% so với cùng kỳ. Kỳ hạn 2-4 năm chiếm tỷ trọng lớn nhất gần 73% giá trị phát hành của nhóm.

Đứng thứ hai là nhóm bất động sản với tổng huy động đạt 211,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 35,54% giá trị phát hành, tăng 33% so với cùng kỳ, trong đó có khoảng 29% giá trị trái phiếu không có tài sản đảm bảo hoặc đảm bằng cổ phiếu. Lãi suất phát hành dao động trong khoảng 8%-13%/năm, bên cạnh đó có một vài doanh nghiệp có mức lãi suất phát hành chỉ ở mức khoảng 5%-6%/năm. Kỳ hạn 1-3 năm chiếm phần lớn giá trị phát hành trong năm với 142.389 tỷ đồng, chiếm 67,33%.

hàng, lãi suất TPDN có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2021. Lãi suất bình quân TPDN trong năm 2021 cũng đạt 7,75%/năm.

Dự báo kinh tế Việt Nam phục hồi với mức tăng từ 6,0% - 6,5% nhưng áp lực lạm phát gia tăng.

Theo các tổ chức quốc tế uy tín, GDP của Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức 6% đến 6,5% vào năm 2022 trong bối cảnh mà dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế.

Tuy nhiên, áp lực lạm phát trong năm tới khả năng sẽ gia tăng do (1) giá cả, lạm phát toàn cầu còn ở mức cao, khả năng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn còn diễn ra, kéo theo lạm phát chi phí đẩy (nhập khẩu lạm phát); (2) lạm phát do cầu kéo (cùng với đà phục hồi kinh tế); và (3) độ trễ cũng như thực thi chính sách tài khóa, tiền tệ có phần mở rộng, thích ứng.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. THÔNG TIN VỀ TRIỀN VỌNG THỊ TRƯỜNG

4.1 Triển vọng năm 2022

Lãi suất huy động khả năng tăng nhẹ trong năm 2022

Việt Nam đã kết thúc một năm 2021 chống dịch đầy khó khăn và bước sang năm 2022 với tâm thế vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả, vừa phục hồi, phát triển kinh tế trong trạng thái bình thường mới. Do đó, năm 2022, Ngân Hàng Nhà Nước nhiều khả năng sẽ tiếp tục các chính sách hỗ trợ và duy trì các lãi suất điều hành. Mặt bằng lãi suất cho vay vẫn duy trì ở mức thấp và có thể giảm nhẹ ở một số ngành nghề ưu tiên.

Đối với mặt bằng lãi suất huy động nhiều khả năng sẽ nhích nhẹ khoảng 30 – 50 điểm cơ bản trong năm 2022 do lạm phát tăng trở lại, nhu cầu tín dụng phục hồi, bên cạnh đó kênh tiền gửi sẽ phải tăng tính cạnh tranh với các kênh đầu tư khác để thu hút dòng vốn.

Năm 2022, thị trường TPĐN được dự báo sẽ tiếp tục diễn biến sôi động, trong khi chất lượng trái phiếu và tính minh bạch của thị trường được nâng cao.

Trong 2022-2023, 60% lượng TPĐN đang lưu hành trên thị trường sẽ đáo hạn, do đó áp lực phải phát hành trái phiếu mới để tái tài trợ cho các khoản nợ đến hạn rất lớn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp, nhất là trong lĩnh vực bất động sản sẽ có nhu cầu huy động vốn để tài trợ xây mới, tiếp tục các dự án hiện tại, khôi phục tinh hình kinh tế. Các điểm trên cho thấy nhu cầu phát hành TPĐN còn khá dồi dào.

Tuy nhiên, lợi suất TPĐN phát hành trong năm 2022 nhiều khả năng sẽ diễn biến đồng pha với xu hướng giảm của lãi suất cho vay.

Hành lang pháp lý sẽ ngày càng được hoàn thiện hứa hẹn cho sự tăng trưởng bền vững của thị trường trong tương lai. Ngoài ra, Ủy ban Chứng khoán nhà nước cũng đang khẩn trương xây dựng sàn mua bán trái phiếu thứ cấp và siết lại điều kiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp, giúp tăng tính minh bạch của thị trường TPĐN. Tuy nhiên, những động thái kiểm soát chặt chẽ hơn sẽ khiến thị trường trái phiếu doanh nghiệp chững lại trong nửa đầu năm 2022, nhưng sẽ tác động chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực và thị trường sẽ bùng nổ trong những năm tiếp theo.

4.2 Chiến lược đầu tư năm 2022

Với dự báo lãi suất huy động tăng nhẹ trong năm 2022, lãi suất của chứng chỉ tiền gửi phát hành mới và tỷ lệ trái tức của các TPĐN trên thị trường khả năng sẽ cải thiện. Trong năm 2022, Ban điều hành dự kiến sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội để nâng tỷ trọng của trái phiếu doanh nghiệp có lãi suất cố định cao hơn, thanh khoản tốt, và tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ổn định. Việc gia tăng tỷ trọng trái phiếu doanh nghiệp có thể sẽ làm tăng kỳ hạn bình quân của các khoản đầu tư, tuy nhiên với chiến lược lựa chọn trái phiếu có cơ chế lãi suất thả nổi, rủi ro về biến động lãi suất sẽ được kiểm soát phần nào.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5. THÔNG TIN KHÁC

Ban điều hành Quỹ

Ông Cao Minh Hoàng Giám đốc Đầu tư

Ông Hoàng có hơn 13 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán, phân tích và quản lý danh mục đầu tư.

Trước khi gia nhập IPAAM vào năm 2012, ông đã có 2 năm làm kiểm toán viên tại Ernst & Young, sau đó làm phân tích đầu tư tại Vingroup và VNDirect, tham gia một cách tích cực vào thành công của việc phát hành 300 triệu USD trái phiếu quốc tế của Vingroup năm 2012.

Từ năm 2012-2015, ông giữ vị trí Trưởng phòng Phân tích tại IPAAM, phụ trách việc phân tích và quản lý danh mục đầu tư. Hiện tại, ông Hoàng đảm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư của IPAAM.

Ông Hoàng đã hoàn thành chứng chỉ CFA cấp độ 3 vào năm 2013.

Sau khi tốt nghiệp hạng ưu về Tài chính ngân hàng tại Đại học Assumption, Thái Lan năm 2013, bà Ngọc Anh trở thành Chuyên viên phân tích cổ phiếu tại VNDIRECT.

Bà Ngọc Anh gia nhập IPAAM từ năm 2015 và giữ vị trí quản lý đầu tư. Bà có bằng CFA level 1 và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Bà Hồ Ngọc Anh Quản lý Đầu tư

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban Đại diện Quỹ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (Quỹ VNDBF) được các nhà đầu tư bầu trên cơ sở phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng (IPO) của Quỹ VNDBF. Theo đó, Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ đã được bầu bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ
- Bà Hoàng Thị Út Quyên - Thành viên Ban Đại diện Quỹ
- Bà Phí Thị Thùy Dung - Thành viên Ban Đại diện Quỹ
- Bà Nguyễn Hồ Nga - Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Cơ cấu của Ban Đại diện Quỹ đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Quỹ VNDBF và pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Trong Ban Đại diện Quỹ có 3/4 thành viên là thành viên độc lập, đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu 2/3 thành viên Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
- Các thành viên Ban Đại diện Quỹ đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn tại Điều lệ Quỹ VNDBF:
 - Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
- Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ là thành viên độc lập, đáp ứng quy định tại Điều lệ Quỹ VNDBF.



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
Địa chỉ: 74 Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2003 thay đổi lần 12 ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHDLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 8 năm 2006.

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND cho năm 2021 ngày 31 tháng 12 năm 2021. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm 2021 Quỹ đầu tư Trái phiếu VND đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA đã cơ bản tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên:
 - Tại kỳ xác định giá trị tài sản ròng ngày 04/02/2021, tỷ lệ đầu tư vào tiền gửi tại Ngân hàng thương mại của một Tổ chức phát hành vượt quá 20% Tổng giá trị tài sản của Quỹ theo quy định tại Khoản 4.c Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Khoản 11.a Điều 11 Điều lệ Quỹ.
 - Tại kỳ xác định giá trị tài sản ròng ngày 20/07/2021, ngày 03/10/2021 và ngày 05/10/2021, tỷ lệ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác chưa đạt 80% Giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Điều 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Chương II định nghĩa về "Quỹ trái phiếu" tại Điều lệ quỹ.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận.



Ông Nguyễn Mạnh Cường

Phó Giám đốc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Ông Nguyễn Ngọc Vinh

Chuyên viên

Số tham chiếu: 61607705/22642593

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Nhà đầu tư
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND ("Quỹ"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022 và được trình bày từ trang 17 đến trang 57, bao gồm báo cáo tình hình tài giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A, là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2400-2018-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B01-QM

BÁO CÁO THU NHẬP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 VND
	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
2	1.1. Trái tức được chia		9.274.038.192	5.401.836.371
3	1.2. Tiền lãi được nhận		4.330.761.532	1.836.036.930
4	1.3. Lãi bán các khoản đầu tư		3.401.126.721	3.410.305.198
5	1.4. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	1.654.652.051	86.022.067
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		(112.502.112)	69.472.176
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	6	13.868.254	5.830.191
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.823.553.536	1.715.179.892
20.1	3.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ mở	19.1	924.848.782	841.678.055
20.2	3.2. Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở		254.813.353	234.001.699
20.3	3.3. Giá dịch vụ giám sát	19.2	66.000.000	63.800.000
20.4	3.4. Giá dịch vụ quản trị quỹ mở	19.2	198.000.000	191.400.000
20.5	3.5. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng		132.000.000	133.100.000
20.7	3.7. Chi phí họp, đại hội Quỹ mở		8.000.000	10.406.250
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		88.000.000	88.000.000
20.10	3.10. Chi phí hoạt động khác	8	151.891.401	152.793.888
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		7.436.616.402	3.680.826.288
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	16	7.436.616.402	3.680.826.288
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		7.549.118.514	3.611.354.112
32	6.2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(112.502.112)	69.472.176
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII.TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ		7.436.616.402	3.680.826.288

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B02-QM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	11	3.581.372.285	878.860.439
111	1.1 <i>Tiền gửi ngân hàng</i>		381.372.285	78.860.439
111.3	<i>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở</i>		381.372.285	78.860.439
112	1.2 <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng</i>		3.200.000.000	800.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	9	147.579.674.132	60.490.766.372
121	2.1 <i>Các khoản đầu tư</i>		147.579.674.132	60.490.766.372
130	3. Các khoản phải thu	12	3.746.637.995	3.518.071.210
133	3.1 <i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</i>		3.746.637.995	3.518.071.210
136	3.1.1 <i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>		3.746.637.995	3.518.071.210
100	TỔNG TÀI SẢN		154.907.684.412	64.887.698.021
	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và công ty quản lý quỹ		15.063.827	-
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.430.238	7.277.029
316	3. Chi phí phải trả	13	124.000.000	124.000.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ		38.963.087	7.804.000
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ		2.344.515	2.085.539
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	14	164.127.230	126.898.264
320	7. Phải trả, phải nộp khác		8.209.775	8.000.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		355.138.672	276.064.832
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		154.552.545.740	64.611.633.189
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	15	132.517.710.200	59.307.617.100
412	1.1 <i>Vốn góp phát hành</i>		296.216.036.600	186.382.428.300
413	1.2 <i>Vốn góp mua lại</i>		(163.698.326.400)	(127.074.811.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		9.536.374.639	242.171.590
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	12.498.460.901	5.061.844.499
	3.1 <i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>		12.541.491.262	4.992.372.748
	3.2 <i>(Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện</i>		(43.030.361)	69.471.751
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUÝ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		11.662,78	10.894,32
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B02-QM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
004	Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	13.251.771,02	5.930.761,71

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B03-QM

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUÝ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	NỘI DUNG	Năm nay VND	Năm trước VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	64.611.633.189	56.929.673.700
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm <i>Trong đó:</i>	7.436.616.402	3.680.826.288
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong năm	7.436.616.402	3.680.826.288
II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho Nhà đầu tư trong năm	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ Quỹ <i>Trong đó:</i>	82.504.296.149	4.001.133.201
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ Quỹ	122.925.941.995	135.776.467.362
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ Quỹ	(40.421.645.846)	(131.775.334.161)
IV	Giá trị tài sản ròng cuối năm	154.552.545.740	64.611.633.189

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B04-QM

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	TRÁI PHIẾU				
	Trái phiếu niêm yết				
1	Trái phiếu doanh nghiệp – MSN11906	85.220	101.199,73	8.624.240.991	5,57%
2	Trái phiếu doanh nghiệp – KBC12006	260.000	100.496,54	26.129.100.400	16,87%
3	Trái phiếu doanh nghiệp – HDG121001	109.136	99.971,17	10.910.453.609	7,04%
4	Trái phiếu doanh nghiệp – MSN12005	180.000	99.545,76	17.918.236.800	11,57%
	Trái phiếu chưa niêm yết				
5	Trái phiếu doanh nghiệp – VICB2023001	150.000	99.984,28	14.997.642.329	9,68%
	Tổng			78.579.674.129	50,73%
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Lãi trái phiếu được nhận			2.219.361.308	1,43%
2	Lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi được nhận			1.527.276.687	0,99%
	Tổng			3.746.637.995	2,42%
III	TIỀN				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở			340.064.683	0,22%
2	Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ Quỹ			38.963.087	0,03%
3	Tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ			2.344.515	0,00%
4	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng			3.200.000.000	2,06%
5	Chứng chỉ tiền gửi			69.000.000.003	44,54%
	Tổng			72.581.372.288	46,85%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			154.907.684.412	100%

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B05-QM

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (Phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(190.240.366.085)	(50.032.843.523)
02	Tiền thu từ bán các khoản đầu tư		91.782.777.676	35.122.105.796
04	Tiền lãi đã thu		20.414.152.056	5.194.719.940
05	Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(1.786.114.795)	(1.664.723.997)
07	Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động Quỹ mở			
08	Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phi môi giới, phí chuyển tiền)		(30.777.339)	(31.698.558)
20	Lưu chuyển tiền thuận sử dụng vào hoạt động đầu tư		(13.868.254)	(6.343.816)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(79.874.196.741)	(11.418.784.158)
31	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ mở		122.961.690.724	135.741.770.162
32	Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ mở		(40.384.982.137)	(131.738.316.624)
30	Tiền thuận từ hoạt động tài chính		82.576.708.587	4.003.453.538
40	III. Tăng/(giảm) tiền thuận trong năm		2.702.511.846	(7.415.330.620)
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm			
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm	11	878.860.439	8.294.191.059
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		871.056.439	8.251.689.859
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ		7.804.000	42.501.200
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm			
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm	11	3.581.372.285	878.860.439
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		3.542.409.198	871.056.439
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ Quỹ		38.963.087	7.804.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		2.702.511.846	(7.415.330.620)

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho giai đoạn năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND ("Quỹ") được thành lập ngày 05 tháng 07 năm 2019 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2020, Thông tư chứng khoán và cá văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 38/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 05 tháng 07 năm 2019 và Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 23/GCN-UBCK ngày 25 tháng 04 năm 2019. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ

Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số	Ngày
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/ GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang quản lý ba quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu Tư Trái phiếu VND (VNDBF) và Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty cổ phần Camelia và Công ty Cổ phần Bkav.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Hiền - Chức danh: Chủ tịch Công ty.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành).

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 50.335.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.033.500,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 132.517.710.200 đồng Việt Nam, tương đương với 13.251.771,02 chứng chỉ Quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận ổn định và dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, bao gồm nhưng không giới hạn bởi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật Việt Nam có uy tín và có chất lượng tín dụng cao, tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, tần suất giao dịch của Quỹ là các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ, giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó trừ khi Công ty Quản lý Quỹ có thông báo khác. Đối với kỳ định giá hàng tháng, giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường (hoặc giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị thị trường) của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi chứng chỉ Quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Nhà Đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ định kỳ vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần ("Ngày giao dịch"). Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên Trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một tháng.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ và đã được công khai tại Bản cáo bạch, đồng thời phải đảm bảo:

- ▶ Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được nắm giữ quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; Công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý đầu tư chứng khoán:
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - Cổ phiếu, trái phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh Thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mươi hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ.
- ▶ Trường hợp đầu tư vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh Thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành phải đáp ứng điều kiện sau:
 - Đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Có đủ tài liệu chứng Minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mươi hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mươi phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Không được đầu tư quá mươi phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- ▶ Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- ▶ Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thâu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sát nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ;
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ, giấy tờ có giá và các công cụ có thu thập cố định khác được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mươi lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán được áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở; Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2001/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2001/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Do vậy, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 198.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư số 198.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được Thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này; và
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.
- ▶ Trái phiếu chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Điều lệ Quỹ, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay Định giá như sau:

- ▶ Tiền là số dư tiền tại ngày trước ngày định giá;
- ▶ Ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân mua và bán tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày trước ngày định giá;
- ▶ Tiền gửi không kỳ hạn là toàn bộ số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá;
- ▶ Tiền gửi kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá;
- ▶ Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;
- ▶ Đối với các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và công cụ không trả lãi khác được xác định theo giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ;
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá niêm yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- ▶ Trái phiếu chưa niêm yết:

Trái phiếu chưa niêm yết được xác định là giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuồng phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên giá.

4.6 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi chứng chỉ Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ Quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối kỳ tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho Nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ kế toán năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích và ghi nhận theo phát sinh thực tế. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý Quỹ là 0,85%/năm. Trường hợp điều chỉnh Giá dịch vụ quản lý quỹ giảm do Công ty Quản lý Quỹ quyết định. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo mức giá dịch vụ mới với Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Mức giá mới sẽ được báo cáo Đại hội nhà đầu tư tại phiên họp gần nhất và cập nhật tại Điều lệ Quỹ sửa đổi gần nhất.

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ giám sát Quỹ vào mỗi kỳ định giá là 0,02% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá
* Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và thấp nhất là 5.000.000 đồng/tháng, chưa bao gồm thuế GTGT.

Giá dịch vụ lưu ký vào mỗi kỳ định giá là 0,06% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và thấp nhất là 20.000.000 đồng/tháng không có thuế GTGT.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá là 0,03% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá
* Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) và
tối thiểu 15.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế GTGT.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

STT	Loại phí	Mức giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Giá dịch vụ thực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách
	- Phân phối cổ tức	Miễn phí

Chi phí kiểm toán

Phi kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ
được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với
các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để
phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Thủ lao của các thành viên
của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không
được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại
Đại hội Nhà đầu tư.

Chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí in ấn, chi phí công bố thông tin; chi phí cho các cuộc họp
Đại hội Nhà đầu tư; thuế phí và các chi phí khác.

4.10 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu
nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các
cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ tuân thủ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng
6 năm 2014 ("Thông tư số 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC
ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013
("Thông tư số 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15
tháng 6 năm 2015 ("Thông tư số 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số
10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối
với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư,
không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần
giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu
thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc
diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá
nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5%
lợi nhuận được phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế (tiếp theo)

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.11 Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Tổng giá trị bán VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán năm nay VND</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước VND</i>
Trái phiếu niêm yết	58.600.305.205	56.956.920.026	1.643.385.179	16.552.055
Chứng chỉ tiền gửi	42.300.000.000	42.288.733.128	11.266.872	69.470.012
	100.900.305.205	99.245.653.154	1.654.652.051	86.022.067

6. CHÊNH LỆCH TĂNG/(GIẢM) ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Giá trị mua theo số kế toán VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh số cho năm nay VND</i>
Chứng chỉ tiền gửi	69.000.000.003	69.000.000.003	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	78.622.704.490	78.579.674.129	(43.030.361)	69.471.751	(112.502.112)
	147.622.704.493	147.579.674.132	(43.030.361)	69.471.751	(112.502.112)

7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Phí môi giới mua các khoản đầu tư	9.718.078	2.524.042
Phí môi giới bán các khoản đầu tư	4.150.176	106.149
Phí chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	3.200.000
	13.868.254	5.830.191

8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Thù lao Ban Đại diện quỹ	144.000.000	144.000.000
Phí ngân hàng	1.791.401	2.054.163
Phí quản lý thường niên	5.000.000	6.739.725
Chi phí dịch vụ khác	1.100.000	-
	151.891.401	152.793.888

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT		Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND
1	Trái phiếu niêm yết	63.625.062.161	63.582.031.800	-	129.207.000	(172.237.361)	(43.030.361)
2	Trái phiếu không niêm yết	14.997.642.329	14.997.642.329	-	-	-	-
3	Chứng chỉ tiền gửi	69.000.000.003	69.000.000.003	-	-	-	-
	Tổng cộng	147.622.704.493	147.579.674.132	129.207.000	(172.237.361)	(43.030.361)	

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

STT		Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND
1	Trái phiếu niêm yết	19.114.036.849	19.183.508.700	-	82.967.487	(13.495.636)	69.471.751
2	Trái phiếu không niêm yết	6.024.036.171	6.024.036.171	-	-	-	-
3	Chứng chỉ tiền gửi	35.283.221.501	35.283.221.501	-	-	-	-
	Tổng cộng	60.421.294.521	60.490.766.372	82.967.487	(13.495.636)	69.471.751	

10. TỶ LỆ GIAO DỊCH QUÁ TƯNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi tiết giá trị giao dịch và chi phí giao dịch theo từng công ty môi giới chính trong năm như sau:

STT	Các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán	Tổng giá trị giao dịch qua công ty chứng khoán trong năm của Quỹ VND	Phi giao dịch bình quân
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	Công ty mẹ	138.682.544.832	138.682.544.832	0,01%
	Tổng cộng		138.682.544.832	138.682.544.832	100%

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền gửi ngân hàng	381.372.285	78.860.439
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	381.372.285	78.860.439
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng	3.200.000.000	800.000.000
	<u>3.581.372.285</u>	<u>878.860.439</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi	1.521.219.152	3.120.479.429
Dự thu lãi trái phiếu	2.219.361.308	396.609.589
Dự thu lãi tiền gửi	6.057.535	982.192
	<u>3.746.637.995</u>	<u>3.518.071.210</u>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả phí kiểm toán	88.000.000	88.000.000
Phải trả thù lao cho ban đại diện Quỹ	36.000.000	36.000.000
	<u>124.000.000</u>	<u>124.000.000</u>

14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả giá dịch vụ quản lý	111.000.600	73.862.981
Phải trả giá dịch vụ lưu ký	20.126.630	20.035.283
Phải trả giá dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả giá dịch vụ quản trị Quỹ mở	16.500.000	16.500.000
Phải trả giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	<u>164.127.230</u>	<u>126.898.264</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CÁC BÊN LIỀN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

19.1 Các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trong yêu cầu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý	924.848.782	841.678.055
Công ty Cổ phần Chứng khoán VN DIRECT	Công ty Quản lý Quỹ	Phí giao dịch chứng khoán	-	-
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thu lao Ban Đại diện Quỹ	144.000.000	144.000.000

Số dư trọng yếu với bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả phí quản lý Phải trả phí phát hành	73.862.981	924.848.782	(887.711.163)	111.000.600
		Phải trả phí mua lại cho các Đại lý phân phối	-	51.400.961 25.288.445	(46.811.319) (15.120.417)	4.589.642 10.168.028
		Phải trả thù lao, thuế Ban đại diện Quỹ	36.000.000	22.180.337	(21.874.180)	306.157
				144.000.000	(144.000.000)	36.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác

Các giao dịch trọng yếu trong năm được trình bày dưới đây:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng lưu ký Giám sát	Giá dịch vụ giám sát Giá dịch vụ lưu ký tài sản Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở	Giá dịch vụ giám sát	66.000.000	63.800.000
			Giá dịch vụ lưu ký tài sản	254.813.353	234.001.699
			Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở	198.000.000	191.400.000

Số dư trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày dưới đây:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</u>	<u>Phát sinh tăng VND</u>	<u>Phát sinh giảm VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng lưu ký Giám sát	Tiền gửi ngân hàng Giá dịch vụ lưu ký phải trả Giá dịch vụ giám sát phải trả Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở phải trả	Giá dịch vụ lưu ký phải trả Giá dịch vụ giám sát phải trả Giá dịch vụ quản trị Quỹ mở phải trả	878.860.439 20.035.283 5.500.000 16.500.000	758.040.572.434 240.945.099 66.000.000 198.000.000	(755.338.060.588) (240.853.752) (66.000.000) (198.000.000)	3.581.372.285 20.126.630 5.500.000 16.500.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và chứng chỉ tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Lãnh đạo xem xét và thông nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm 2021, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

03178
CÔNG TY
TNHH
HÀNH VIỆ
T QUÝ ĐẦU
NG KHOẢN
.P.A
UNG - TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Công ty quản lý Quỹ cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo),
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RÚI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Không kỳ hạn VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	-	15.063.827	-	-	-	15.063.827
Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	-	2.430.238	-	-	-	2.430.238
Chi phí phải trả	-	124.000.000	-	-	-	124.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	-	38.963.087	-	-	-	38.963.087
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	-	2.344.515	-	-	-	2.344.515
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	-	164.127.230	-	-	-	164.127.230
Phải trả khác	-	8.209.775	-	-	-	8.209.775
	- 355.138.672					355.138.672
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Không kỳ hạn VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	-	7.277.029	-	-	-	7.277.029
Chi phí phải trả	-	124.000.000	-	-	-	124.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	-	7.804.000	-	-	-	7.804.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	-	2.085.539	-	-	-	2.085.539
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	-	126.898.264	-	-	-	126.898.264
Phải trả khác	-	8.000.000	-	-	-	8.000.000
	- 276.064.832					276.064.832

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

Tài sản tài chính	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Các khoản đầu tư				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	147.622.704.068	147.579.674.132	60.421.294.621	60.490.766.372
Phải thu và dự thu cố tức, tiền lãi các khoản đầu tư	3.581.372.285 3.746.637.995	3.581.372.285 3.746.637.995	878.860.439 3.518.071.210	878.860.439 3.518.071.210
	154.950.714.348	154.907.684.412	64.818.226.270	64.887.698.021
Nợ phải trả tài chính	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và công ty quản lý quỹ	15.063.827	15.063.827		
Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	2.430.238	2.430.238	7.277.029	7.277.029
Chi phí phải trả	124.000.000	124.000.000	124.000.000	124.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	38.963.087	38.963.087	7.804.000	7.804.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	2.344.515	2.344.515	2.085.539	2.085.539
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mờ	164.127.230	164.127.230	126.898.264	126.898.264
Phải trả, phải nộp khác	8.209.775	8.209.775	8.000.000	8.000.000
	355.138.672	355.138.672	276.064.832	276.064.832

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,93%	1,35%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS và VSD/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,32%	0,48%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị Quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,34%	0,54%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán(nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,09%	0,14%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ bảo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,15%	0,25%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	1,84%	2,75%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = $(\text{Tổng giá trị danh mục mua vào} + \text{tổng giá trị danh mục bán ra})/2 / \text{Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm} (%)$	116,89%	53,81%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu năm <i>Tổng giá trị chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu năm (theo mệnh giá) (VND)</i> <i>Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu năm (chứng chỉ Quỹ)</i>	59.307.617.100	55.462.009.600
2	Thay đổi quy mô Quỹ trong năm <i>Số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong năm (chứng chỉ Quỹ)</i> <i>Giá trị vốn thực huy động thêm trong năm (theo mệnh giá) (VND)</i> <i>Số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại trong năm (chứng chỉ Quỹ)</i> <i>Giá trị vốn thực phải thanh toán trong năm khi đáp ứng lệnh của Nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)</i>	5.930.761,71 10.983.360,83 109.833.608.300 (3.662.351,52)	5.546.200,96 12.739.211,57 127.392.115.700 (12.354.650,82)
3	Quy mô Quỹ cuối năm <i>Tổng giá trị chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối năm (VND)</i> <i>Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối năm (chứng chỉ Quỹ)</i>	(36.623.515.200) 132.517.710.200	(123.546.508.200) 59.307.617.100
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của công ty quản lý Quỹ và người có liên quan cuối năm (%)	13.251.771,02	5.930.761,71
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của 10 Nhà đầu tư lớn nhất cuối năm (%)	60,51% 92,55%	74,98% 93,83%

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
II	Các chỉ tiêu khác (tiếp theo)		
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài cuối năm (%)	0,26%	0,00%
7	Số Nhà đầu tư tham gia vào Quỹ cuối năm, kể cả giao dịch ký danh	2.093	688
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ cuối năm	11.662,78	10.894,32

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc